

# ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG FDI CỦA MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á

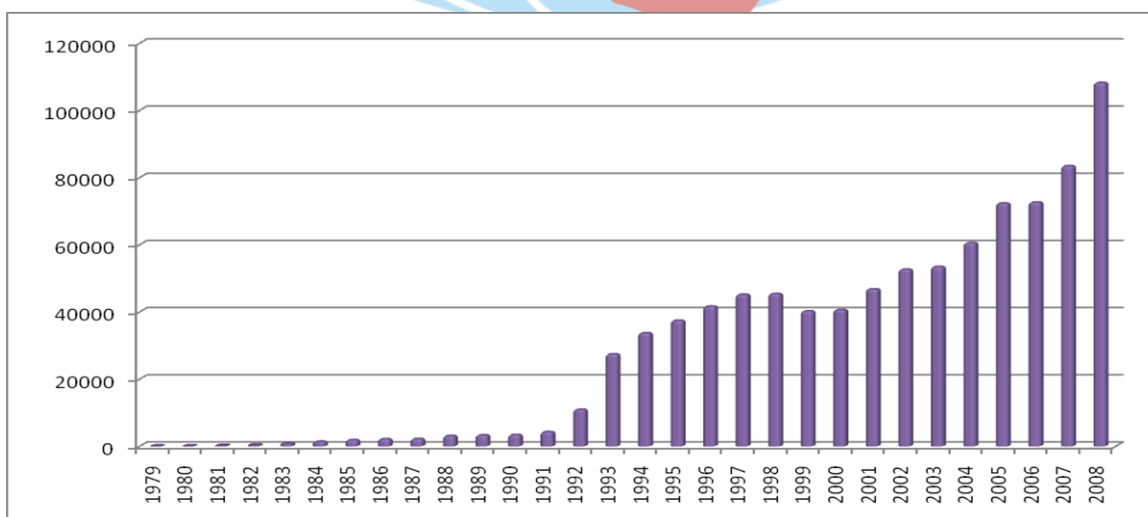
## 1. Khái quát về FDI ở một số nước châu Á

### 1.1. Tình hình thu hút FDI ở một số nước châu Á

#### 1.1.1. Về số lượng vốn FDI

Một trong những đặc điểm quan trọng của Trung Quốc về quá trình cải cách kinh tế chính là thành công trong thu hút FDI. Tính đến hết năm 2008, Trung Quốc thu hút được 659.826 dự án FDI, với tổng số vốn cam kết là 1.892,666 tỷ USD, trong đó vốn thực hiện là 871,134 tỷ USD (xem biểu đồ 2.1). Năm 2009, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Trung Quốc đạt 95 tỷ USD, trong khi cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu xảy ra làm cho thu hút đầu tư nước ngoài ở nhiều quốc gia giảm sút nghiêm trọng. Trong năm 2009 này, các doanh nghiệp FDI tại Trung Quốc đóng góp khoảng 28% giá trị sản lượng công nghiệp và 56% giá trị xuất khẩu cho nền kinh tế, tạo việc làm cho khoảng 45 triệu lao động. Sang năm 2010, FDI vào Trung Quốc tiếp tục tăng lên, đạt 105.7 tỷ USD vốn thực hiện.

*Đơn vị: triệu USD*



**Biểu đồ 2.1: Lượng vốn FDI thực hiện của Trung Quốc giai đoạn 1979 - 2008**

*Nguồn: UNCTAD (2010)*

Với những thay đổi lớn về chính sách và môi trường đầu tư sau gia nhập WTO, Trung Quốc trở thành địa điểm đầu tư hấp dẫn, được các công ty đa quốc gia quan tâm hàng đầu khi đầu tư ra nước ngoài. Trung Quốc hướng vào thực hiện chính sách thu hút FDI có hàm lượng công nghệ cao, với mục tiêu nâng cao chất lượng và cải thiện kết cấu sử dụng vốn FDI. Nhiều trung tâm nghiên cứu và phát triển được hình thành trong giai đoạn này. Do vậy, từ năm 2001 đến năm 2009, Trung Quốc đã thu hút được 319.380 dự án FDI, với số vốn FDI thực hiện là 617,744 tỷ USD. Riêng năm 2010, Trung Quốc thu hút 105,7 tỷ USD vốn FDI thực hiện, tăng 11,26%, so với năm 2009 (xem bảng 2.1).

**Bảng 2.1: Tổng vốn FDI trong giai đoạn 2001 - 2010**

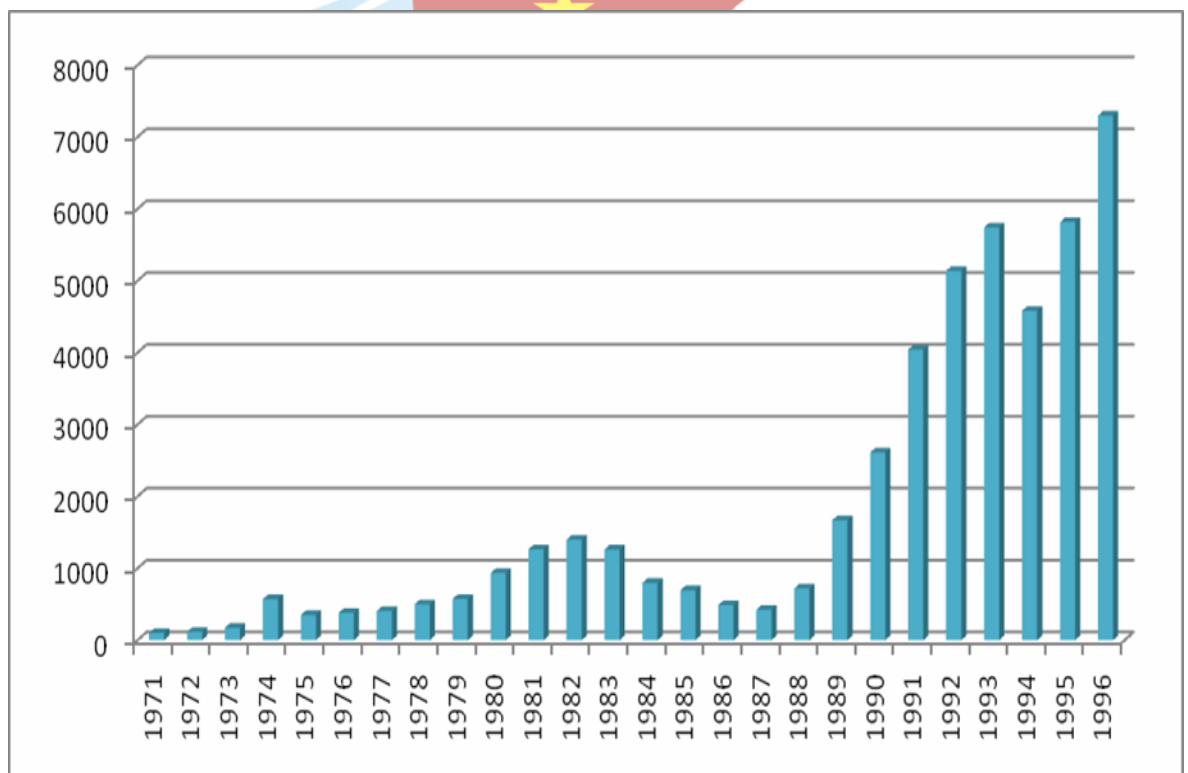
Đơn vị: tỷ USD

Năm	Số dự án	Số vốn cam kết	Số vốn thực hiện
2001	26.140	69,195	46,878
2002	34.171	82,700	52,700
2003	41.081	115,000	53,500
2004	43.664	156,600	60,629
2005	44.019	189,065	72,406
2006	41.485	201,000	69,468
2007	37.871	195,000	74,768
2008	27.514	209,000	92,395
2009	23.435	-	95,000
2010	-	-	105,700
<b>Tổng cộng</b>			<b>723,444</b>

Nguồn: MOFTEC,

Ở Malaysia, do hạn chế của chiến lược công nghiệp hóa hướng nội (giai đoạn 1963 – 1969) đã dẫn tới tình trạng đình đốn của nền kinh tế và xung đột sắc tộc<sup>1</sup>. Trước tình hình đó, Malaysia chuyển sang thực hiện chiến lược thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, với mục đích dựa vào nguồn công nghệ của các tập đoàn đa quốc gia. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng FDI bình quân trong giai đoạn 1971 - 1996 của Malaysia đạt là 27,25%/năm và trong giai đoạn 1997 đến nay, tốc độ tăng vốn FDI đạt khoảng 31,52%/năm. Đây là tốc độ tăng trưởng được xếp vào mức cao so khu vực và thế giới (xem biểu đồ .2).

*Đơn vị: triệu USD (giá hiện hành)*



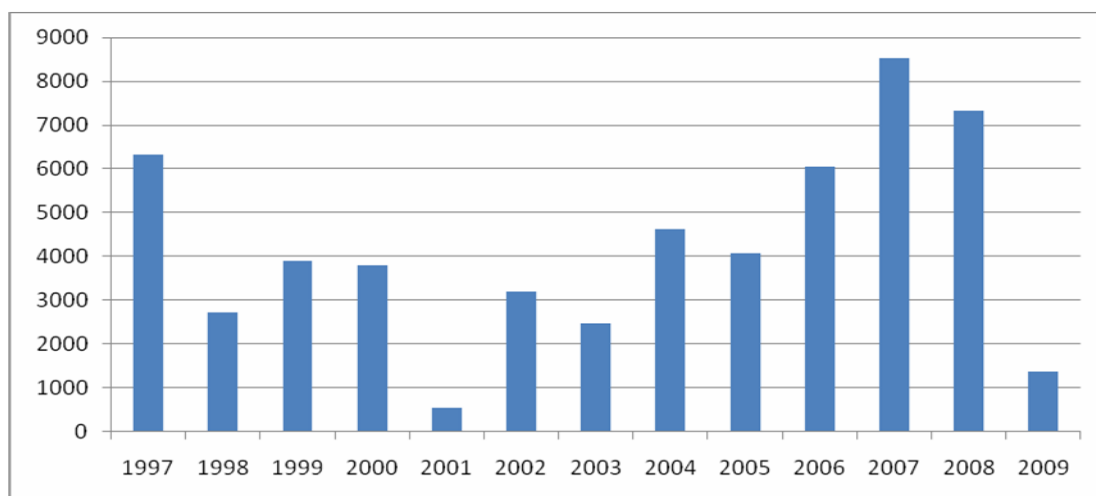
**Biểu đồ 2.2: Dòng vốn FDI vào Malaysia trong giai đoạn 1971 - 1996**

Nguồn: UNTACD (2011) theo cơ sở dữ liệu trực tuyến <http://unctadstat.unctad.org/>

Sang giai đoạn 1997 - 2009, các chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với đầu tư nước ngoài được triển khai mạnh. Do đó, thời kỳ này, thu hút vốn FDI tại Malaysia đạt 72,6 tỷ USD vốn FDI, cao gấp hơn 2 lần giai đoạn 1986 - 1996 (xem biểu đồ 2.3).

<sup>1</sup> Năm 1969, quá trình cải cách kinh tế của Malaysia gắn liền với việc thực hiện “Chính sách kinh tế quốc gia” (NEP)

Đơn vị: USD (giá hiện hành)



**Biểu đồ 2.3: Dòng vốn FDI vào Malaysia trong giai đoạn 1997 - 2009**

Nguồn: UNTACD (2011) theo cơ sở dữ liệu trực tuyến <http://unctadstat.unctad.org/>

Năm 2010, tổng vốn FDI Malaysia thu hút được là 29,3 tỷ ringgit (9,8 tỷ USD). Trong khi đó, năm 2009 chỉ đạt 5 tỷ ringgit (1,7 tỷ USD).

Riêng sáu tháng đầu năm 2011, Malaysia đã hút được 21,3 tỷ ringgit (7,1 tỷ USD) vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), so với 12,1 tỷ ringgit (4,1 tỷ USD) cùng kỳ năm 2010. Nguồn FDI đổ vào Malaysia trong nửa đầu năm 2011 tăng cao đã phản ánh lòng tin của các nhà đầu tư sau những sáng kiến của Chính phủ Malaysia nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Việc công bố Chương trình cải cách chính phủ cũng như Chương trình chuyển đổi kinh tế đã giúp cải thiện môi trường kinh doanh tại Malaysia.

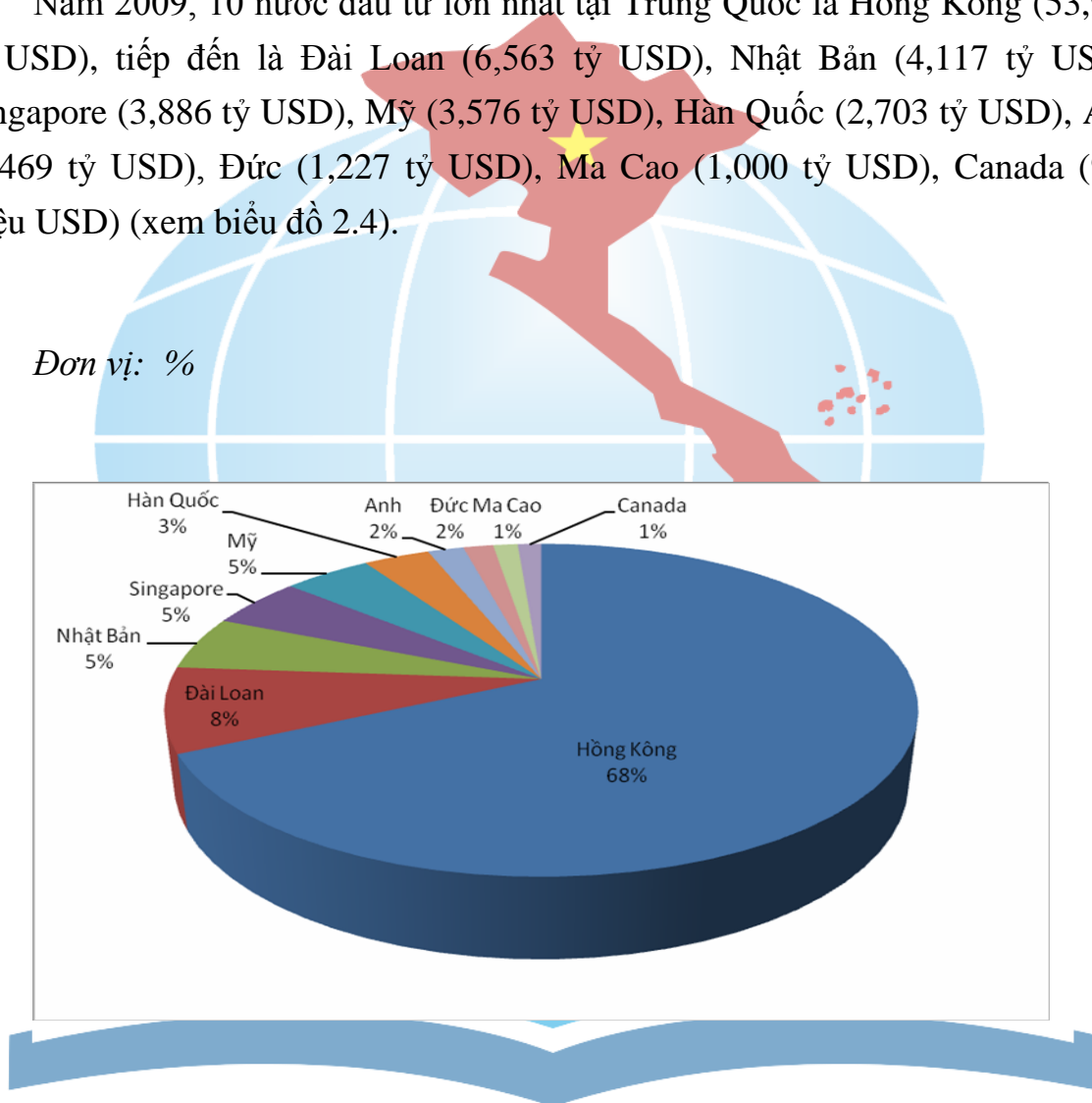
### 1.1.2. Về đối tác đầu tư

Thành tựu nổi bật của Trung Quốc trong hoạt động thu hút FDI là sự tham gia của các công ty xuyên quốc gia (TNCs) tại thị trường Trung Quốc. Trong tổng số 500 TNC hàng đầu thế giới theo thống kê của tạp chí Forbes thì đã có tới 450 TNC hiện đang hoạt động tại Trung Quốc. Nhờ vậy, đã chuyển giao được công nghệ gốc hiện đang được sử dụng ở các tập đoàn đó trên thế giới. Năm 2004, có khoảng 26,8% các chi nhánh TNC ở Trung Quốc. Các số liệu thống kê cho thấy đã có tới 9 trong 10 công ty lớn nhất của Đức; 17 trong tổng số 20 công ty lớn nhất của Nhật cùng các tên tuổi lớn của Mỹ như General Motor,

General Electric, Dupont,... đã thâm nhập và có chỗ đứng trên thị trường 1,3 tỷ dân này.

Tính đến năm 2009, Trung Quốc đón nhận đầu tư của trên 200 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, Hồng Kông, Mỹ, Nhật, Đài Loan, Singapore, Hàn Quốc, Virgin luôn có mặt trong danh sách 10 nhà đầu tư lớn nhất tại Trung Quốc.

Năm 2009, 10 nước đầu tư lớn nhất tại Trung Quốc là Hồng Kông (53,993 tỷ USD), tiếp đến là Đài Loan (6,563 tỷ USD), Nhật Bản (4,117 tỷ USD), Singapore (3,886 tỷ USD), Mỹ (3,576 tỷ USD), Hàn Quốc (2,703 tỷ USD), Anh (1,469 tỷ USD), Đức (1,227 tỷ USD), Ma Cao (1,000 tỷ USD), Canada (959 triệu USD) (xem biểu đồ 2.4).



**Biểu đồ 2.4: Vốn FDI thực hiện của 10 quốc gia đầu tư lớn nhất vào Trung Quốc năm 2009**

Nguồn: [www.fdi.gov.cn/pub/FDI\\_EN/Statistics/FDIStatistics/ExpressofForeignInvestment/t20100118\\_117101.htm](http://www.fdi.gov.cn/pub/FDI_EN/Statistics/FDIStatistics/ExpressofForeignInvestment/t20100118_117101.htm)

Về đối tác đầu tư ở Malaysia, đến hết năm 2007, FDI vào nước này từ bốn khu vực chính là Châu Âu (Hà Lan, Vương Quốc Anh, Na Uy, Đức và Thụy Sĩ), Châu Á (Singapore và Nhật Bản), Đảo Caribe (Đảo British Virgin và đảo

Bermuda) và Bắc Mỹ (Hoa Kỳ). Mười quốc gia này đóng góp tới 85% tổng số FDI ở Malaysia trong giai đoạn 2003 - 2007 (Xem bảng 2.2). Trong đó 3 quốc gia dẫn đầu trong đầu tư vào Malaysia là Nhật bản (2003 và 2004), Mỹ (2005 và 2006) và Singapore (2007).

**Bảng 2.2: Nhóm 10 quốc gia đầu tư lớn nhất vào Malaysia trong giai đoạn 2003 - 2007**

Đơn vị: tỷ Ringgit

Quốc gia	2003	2004	2005	2006	2007
Singapore	25,6	30,1	25,8	30,0	55,7
Mỹ	27,9	29,3	41,1	43,2	49,2
Nhật bản	32,1	33,7	31,7	29,2	33,7
Hà Lan	24,9	18,2	21,4	19,4	20,3
Vương quốc Anh	13,9	16,6	12,4	17,2	19,4
<b>Tổng</b>	<b>157,6</b>	<b>164,7</b>	<b>168,1</b>	<b>190,1</b>	<b>253,8</b>

Nguồn: [www.statistics.gov.my](http://www.statistics.gov.my)

Năm 2010, Các nước và vùng lãnh thổ đầu tư chính vào Malaysia gồm: Nhật Bản (804 triệu USD), Mỹ (771 triệu USD), Singapore (637 triệu USD), Hà Lan (402 triệu USD) và Đài Loan (402 triệu USD).

### 1.1.3. Về hình thức, lĩnh vực đầu tư

Trung Quốc quy định các hình thức FDI chính như, doanh nghiệp hợp đồng hợp tác kinh doanh, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Ngoài ra, hình thức BOT, BTO, BT cũng được Trung Quốc đưa ra thực hiện đối với một số lĩnh vực cụ thể. Vào năm 1990, Trung Quốc thực hiện nói



lỏng hạn chế đối với doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài. Do đó, hình thức này ngày càng được các nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn. Năm 1985, hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài chỉ chiếm 0,77% trong tổng số doanh nghiệp FDI đã tăng lên 37,05% vào năm 1990. Đến năm 2000, tỷ trọng hình thức này tăng lên 55,31% và năm 2001 là 62,14%. Các nhà đầu tư nước ngoài rất ưa thích hình thức đầu tư này, vì họ được tự chủ trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh và giữ được bí quyết công nghệ<sup>2</sup>.

Trong giai đoạn 2001 - 2010, hình thức 100% vốn nước ngoài vẫn có xu hướng tăng lên. Năm 2001, hình thức này chiếm tỷ trọng là 62,14% trong tổng các hình thức FDI, đến năm 2009 tăng lên là 76,28%. Các hình thức như liên doanh giảm dần và chỉ chiếm 19,18%, hợp đồng hợp tác kinh doanh chỉ còn là 2,26%<sup>3</sup>. Sự giảm dần của 2 hình thức này là do chúng đã bộc lộ những nhược điểm nhất định như sự bất đồng trong quản lý, điều hành giữa các bên, sự khác nhau về văn hóa và tập quán kinh doanh... Bên cạnh đó, Trung Quốc đưa ra những quy định mới nới lỏng cho các loại hình đầu tư khác dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài đã lựa chọn hình thức đầu tư thuận lợi hơn.

Ngoài ra, hình thức mua bán và sáp nhập cũng được thực hiện nhiều hơn, nhất là sau khi Trung Quốc gia nhập WTO.

Về lĩnh vực đầu tư, giai đoạn 1991 - 2000, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, các dự án có hàm lượng công nghệ cao, đặc biệt là xây dựng cơ sở hạ tầng và khoa học kỹ thuật nông nghiệp được Trung Quốc chú trọng khuyến khích đầu tư. Bên cạnh đó, các ngành dịch vụ như bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông vận tải... cũng được khuyến khích.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng và cơ cấu sử dụng vốn FDI được nêu trong kế hoạch 5 năm lần thứ 10 (2001 - 2005), Trung Quốc hướng vào thực hiện chính sách thu hút FDI có hàm lượng công nghệ cao và tạo giá trị gia tăng cao. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến thu hút FDI trong lĩnh vực R&D và lĩnh vực chế tạo các linh kiện quan trọng và cốt yếu. Năm 2001 chỉ mới có 12 Trung tâm R&D do doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài thành lập, thì đến năm 2005 đã có khoảng 700 Trung tâm R&D; 53 khu công nghệ cao cấp quốc gia và 50 khu công nghệ cao cấp địa phương được thành lập tại Trung Quốc. Tính riêng từ

<sup>2</sup> Chính sách phát triển kinh tế - Kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc, tập 1 (2004), Nxb Giao thông vận tải.

<sup>3</sup> MOFTEC; Viện Nghiên cứu và quản lý kinh tế Trung ương (2003)

tháng 7/2003 đến tháng 6/2004 đã có tới 200 Trung tâm R&D được thành lập.

Vốn FDI vào ngành công nghiệp chế tạo, công nghệ thông tin tăng nhanh. Năm 2002 có 13.500 công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực thông tin, máy tính ở Đông Quan. Năm 2005, tập đoàn Intel của Mỹ đã đầu tư nhà máy lắp ráp chip máy tính trị giá 375 triệu USD ở Thành Đô... Đến nay, Trung Quốc đón nhận hơn 450/500 công ty hàng đầu thế giới vào đầu tư. Sự có mặt ngày càng nhiều TNCs tại Trung Quốc đã khẳng định hướng đi đúng đắn trong chính sách thu hút FDI của Trung Quốc.

Cũng như Trung Quốc, Malaysia thực hiện các loại hình đầu tư chính đó là doanh nghiệp liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

Về lĩnh vực đầu tư, trong kế hoạch 5 năm lần thứ 7 (1996 – 2000) và kế hoạch 5 năm lần thứ 8 (2001 – 2005), Malaysia nhấn mạnh trọng tâm vào đầu tư phát triển các ngành công nghiệp then chốt theo hướng xây dựng nền kinh tế tri thức. Trong đó, Malaysia tập trung thực hiện nâng cấp công nghệ đối với sản phẩm điện, điện tử, thúc đẩy đa dạng hóa các ngành công nghiệp chế tạo hướng về xuất khẩu với tỷ lệ nội địa hóa cao hơn.

Trong giai đoạn 2003 - 2007, ngành chế tạo và dịch vụ tài chính, khai thác mỏ và dịch vụ là bốn ngành thu hút được số lượng FDI nhiều nhất (Xem bảng 2.4). Ngành chế tạo vẫn duy trì được vị trí dẫn đầu, chiếm hơn một nửa tổng số vốn FDI, tiếp theo là ngành dịch vụ tài chính. Tuy nhiên, từ tháng 12 năm 2007, tỷ trọng vốn FDI vào ngành chế tạo có xu hướng giảm xuống. Lượng vốn và tỷ trọng của ngành công nghiệp khai thác mỏ và dịch vụ tăng lên trong năm 2007. Trong khi đó, FDI vào lĩnh vực nông nghiệp tăng lên đáng kể do hoạt động M & A. Giá trị FDI trong ngành này tăng từ 400 triệu Ringit (năm 2003) lên 9,3 tỷ Ringit vào năm 2007. Năm 2010, các dự án FDI được thông qua ở Malaysia chủ yếu tập trung vào các ngành điện và điện tử, ước tính khoảng 7,2 tỷ ringgit (2,4 tỷ USD).

## ***1.2. Chính sách thu hút FDI ở một số nước châu Á***

### ***1.2.1. Môi trường pháp luật cho hoạt động FDI***

Đến năm 2010, Trung Quốc đã ban hành trên 500 văn bản, gồm các bộ luật, nghị định, thông tư và các quy định có liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài. Trong quá trình đàm phán gia nhập WTO, Trung Quốc đã rà soát hơn



2.300 bộ luật và các văn bản khác. Trong đó, thực hiện bãi bỏ 890 văn bản và sửa đổi 323 văn bản.

Ngày 01/7/1979, luật về các liên doanh có cổ phần nước ngoài của Trung Quốc (luật đầu tư hợp tác giữa Trung Quốc với nước ngoài) cùng các văn bản hướng dẫn được ban hành.

Đến năm 1986, Chính phủ Trung Quốc tiếp tục ban hành Luật đối với doanh nghiệp 100% nước ngoài. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc.

Ngày 1/4/2002, Trung Quốc ban hành một số văn bản mới về hướng dẫn FDI để phù hợp với các cam kết trong quá trình gia nhập WTO. Trong đó, các dự án đầu tư nước ngoài được chia làm 4 loại: (i) Khuyến khích đầu tư; (ii) được phép đầu tư; (iii) hạn chế đầu tư; và (iv) cấm đầu tư, gồm 371 khoản mục.

Nhìn chung, Trung Quốc rất chú trọng tới việc rà soát, điều chỉnh và ban hành chính sách liên quan đến FDI theo hướng cởi mở, thông thoáng và tập trung hơn về chất lượng đầu tư. Từ ngày 15/6/2004, nhà đầu tư nước ngoài được phép nắm trực tiếp hoặc gián tiếp tối đa 50% cổ phần trong công ty liên doanh trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ ở Trung Quốc. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ chính thức được phép hoạt động trên phạm vi toàn quốc thay vì chỉ hạn chế ở một số thành phố như trước đây.

Để thu hút FDI, Malaysia ban hành luật đầu tư nước ngoài năm 1967. Đây là văn bản pháp lý quan trọng điều chỉnh hoạt động FDI. Sau đó, rất nhiều luật khác có liên quan như luật thuế thu nhập, luật hải quan, luật thuế tiêu thụ đặc biệt, luật thương mại, luật thuế doanh thu... cũng được ra đời và phát huy tác dụng. Qua các lần sửa đổi, bổ sung các luật này ngày càng hoàn thiện và phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế.

### *1.2.2. Chính sách đảm bảo đầu tư*

Để đảm bảo quyền lợi và tài sản của nhà đầu tư nước ngoài, Trung Quốc có những quy định rõ ràng và được ghi trong Hiến pháp, các luật có liên quan đến FDI. Điều 18, Hiến pháp năm 1982 của Trung Quốc có quy định đối với hoạt động đầu tư nước ngoài như sau: "... Tất cả các cơ sở, tổ chức kinh doanh nước ngoài và các tổ chức kinh tế của nước ngoài khác, cũng như cơ sở đầu tư liên doanh với người Trung Quốc và đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc phải tuân theo luật pháp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Các quyền và lợi ích hợp

pháp của họ được luật pháp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa bảo vệ”.

Trong luật về các liên doanh có cổ phần nước ngoài năm 1979 cũng đã nêu: “Các doanh nghiệp liên doanh Trung Quốc với nước ngoài là pháp nhân Trung Quốc, chịu sự quản lý và bảo vệ của luật pháp Trung Quốc...”

Ngoài ra, nhằm tăng cường sự an toàn trong đầu tư và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư nước ngoài, Chính phủ Trung Quốc ký Hiệp định khuyến khích bảo hộ đầu tư và Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần với nhiều nước.

Cũng như ở Trung Quốc, trong luật đầu tư nước ngoài, Malaysia cam kết đảm bảo quyền lợi lâu dài cho các nhà đầu tư nước ngoài và không quốc hữu hóa, trưng thu tài sản của họ. Bên cạnh đó, Malaysia còn ký các Hiệp định đảm bảo đầu tư (IGAs) với 75 quốc gia và vùng lãnh thổ, Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần (DTAs). Các hiệp định này quy định rõ về việc đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư nước ngoài, tạo mọi điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài chuyển lợi nhuận về nước, đảm bảo giải quyết các tranh chấp theo Công ước về giải quyết tranh chấp trong đầu tư...

### *1.2.3. Chính sách xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng*

Sau cải cách mở cửa, Trung Quốc đã tiến hành phân cấp cho chính quyền địa phương tham gia vào xây dựng cơ sở hạ tầng. Chính phủ chỉ tập trung vào các dự án phát triển hạ tầng mang tầm quốc gia như, hệ thống điện lưới, các đường giao thông huyết mạch nối liền các tỉnh, thành phố, các công trình cầu, cảng, sân bay, thông tin liên lạc...

Trung Quốc rất chú trọng cải thiện cơ sở hạ tầng. Đặc biệt, Trung Quốc xây dựng nhiều đặc khu kinh tế với hệ thống hạ tầng đồng bộ, hoàn chỉnh và hiện đại để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài (“xây tổ gọi chim”). Tại các đặc khu này, Trung Quốc tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị, nhà ở, trường học, bệnh viện, trung tâm công cộng. Nhà nước cho phép địa phương tự khai thác mọi khả năng để có vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, để khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào quá trình tái cơ cấu, đổi mới doanh nghiệp nhà nước.

Tính đến tháng 12 năm 2010, Trung Quốc đã có hệ thống đường bộ cao tốc dài 74.000 km, nâng tổng chiều dài đường bộ của Trung Quốc lên hơn 3,98 triệu km; hệ thống đường sắt cao tốc của Trung Quốc đạt tổng chiều dài 6.400 km

vào tháng 8 năm 2010 và mục tiêu đến năm 2020 là 48.000 km<sup>4</sup>.

Để tăng cường thu hút FDI, Malaysia rất coi trọng việc xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng.

Về giao thông, năm 1992, hệ thống đường bộ của Malaysia có tổng chiều dài là 92.545 km. Trong đó, 15,1% là đường cao tốc; 75% là đường nhựa. Đường sắt là 1.086 km nối liền giữa các cảng biển trong nước và kết nối liên vận quốc tế với Singapore. Đường không có 8 sân bay quốc tế được xây dựng, với hơn 70 đường bay đến 36 nước trên thế giới. Hiện tại, Malaysia đã có hệ thống giao thông vào loại hiện đại trong khu vực.

Malaysia đầu tư xây dựng nhiều cảng biển lớn như Pelang, Kuching, Sibul, Port Klang, Miri... Đồng thời, phát triển dịch vụ vận tải container, các đội tàu biển vận tải quốc tế, đưa vận tải biển của Malaysia đã trở thành một trung tâm vận tải biển lớn trong khu vực.

Về hệ thống dịch vụ bưu chính, viễn thông của Malaysia phát triển nhanh và hiện đại trong khu vực Đông Nam Á, đảm bảo cung cấp dịch vụ với mạng lưới phong phú, hiện đại. Giá cước viễn thông của Malaysia vào loại thấp nhất trong khu vực. Nhằm đưa nền kinh tế của Malaysia trở thành nền kinh tế tri thức chủ yếu dựa vào công nghệ điện tử và thông tin vào năm 2020, Malaysia tập trung đẩy nhanh việc xây dựng “Siêu hành lang đa phương tiện (MSC)” với chi phí khoảng 30 tỷ USD. Dự án đi vào hoạt động thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, kể cả các TNC tạo ra các sản phẩm viễn thông đa phương tiện, các giải pháp hữu ích và lĩnh vực nghiên cứu và phát triển.

Ở Malaysia, hệ thống dịch vụ tài chính, ngân hàng phát triển mạnh, với các dịch vụ hiện đại, chất lượng tốt. Ngay từ năm 1997, Malaysia đã thành lập những cơ sở điện tử hóa hệ thống tiền tệ, xây dựng phòng đảm bảo an ninh ngân hàng. Đến tháng 3 năm 1999, Malaysia đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống hỗ trợ an toàn giao dịch ngân hàng và liên thông với mạng ngân hàng của nhiều nước trên thế giới.

Tóm lại, chính sách phát triển và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng của Malaysia đã tạo ra năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội nói chung và FDI nói riêng.

---

<sup>4</sup> Bích Diệp dẫn theo ChinaDaily, “Trung Quốc muốn vượt Mỹ về hệ thống đường cao tốc”, <http://dvt.vn/20101229020140508p0c85>

#### 1.2.4. Chính sách đa dạng hóa hình thức, lĩnh vực và đối tác đầu tư

Theo quy định của Trung Quốc, các hình thức FDI bao gồm, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp sở hữu nước ngoài (100% vốn nước ngoài) và doanh nghiệp hợp đồng hợp tác kinh doanh. Trong đó, hình thức 100% vốn nước ngoài ngày càng được các nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn. Ngoài ra, các hình thức có tính đặc thù cho từng lĩnh vực cũng được thực hiện như, hình thức hợp tác phát triển (áp dụng trong khai thác dầu khí, mỏ), BOT, BTO, BT (áp dụng chủ yếu trong phát triển cơ sở hạ tầng), Công ty đầu tư (khuyến khích các tập đoàn lớn của nước ngoài phát triển các dự án đầu tư), Công ty cổ phần đầu tư nước ngoài (được thành lập mới hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa).

Điều đáng quan tâm trong các quy định của Trung Quốc về FDI là cho phép hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh được phép thành lập pháp nhân mới, cho phép Công ty TNHH có vốn FDI được chuyển đổi sang Công ty cổ phần.

Về lĩnh vực đầu tư, danh mục tổng thể các ngành đầu tư nước ngoài được ban hành vào tháng 6 năm 1995 gồm 4 loại: Các lĩnh vực khuyến khích đầu tư, các lĩnh vực được phép đầu tư, các lĩnh vực hạn chế đầu tư và các lĩnh vực cấm đầu tư.

Sau các lần sửa đổi sửa đổi vào tháng 7/1997, tháng 3/1999, tháng 2 năm 2002, danh mục các lĩnh vực khuyến khích đầu tư và được phép đầu tư ngày càng được mở rộng, các lĩnh vực bị hạn chế và bị cấm giảm dần. Sau khi gia nhập WTO năm 2001, ngoài việc tiếp tục mở rộng đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực sản xuất, Trung Quốc còn chú trọng mở rộng cho đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực dịch vụ. Một số ngành trước đây bị hạn chế hoặc bị cấm đối với đầu tư nước ngoài dần được nới lỏng theo lộ trình đã cam kết như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, du lịch, vận tải, bán lẻ, tư vấn pháp luật, kiểm toán... Điều này góp phần đẩy nhanh dòng vốn FDI vào Trung Quốc.

Về đối tác đầu tư, giai đoạn đầu sau cải cách mở cửa nền kinh tế, Trung Quốc chủ trương kêu gọi và khuyến khích cộng đồng người Hoa ở nước ngoài đầu tư vào Trung Quốc. Trung Quốc coi cộng đồng Hoa Kiều là những cầu nối quan trọng để tiếp cận với nguồn vốn lớn, kỹ thuật tiên tiến và có điều kiện thâm nhập thị trường thế giới. Do đó, năm 1988, Quy định về khuyến khích đầu tư



của đồng bào Đài Loan được ban hành. Năm 1994, Quy định về khuyến khích đầu tư của Hoa Kiều và đồng bào Hồng Kông, Ma Cao cũng được thực thi.

Sang thập kỷ 1990, Trung Quốc thực hiện công nghiệp hóa với chủ trương cơ bản là thay thế nhập khẩu. Năm được mục tiêu của các TNC là chiếm lĩnh thị trường rộng lớn của Trung Quốc, Chính phủ Trung Quốc đã có những hành động thiết thực để thu hút các TNC này, với phương châm “lấy thị trường đổi lấy kỹ thuật”, “lấy thị trường đổi lấy vốn” và “lấy thị trường để phát triển”. Trung Quốc thực thi các biện pháp linh hoạt mở rộng thị trường nội địa, thiết lập và cải tiến cơ chế cạnh tranh, cung cấp những điều kiện thuận lợi và bảo vệ quyền lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã chủ trương đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp này. Các doanh nghiệp FDI cũng được khuyến khích tham gia cải cách các doanh nghiệp nhà nước bằng cách mua lại, sáp nhập, thậm chí được nắm giữ cổ phần chi phối trong các doanh nghiệp nhà nước lớn, trừ các doanh nghiệp đặc biệt quan trọng đối với an ninh quốc gia và kinh tế.

Về hình thức FDI, Malaysia thực hiện ba hình thức chính đó là liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Bên cạnh đó, các KCN cũng được Malaysia chú trọng thực hiện. Đến năm 2002, Malaysia đã có 105 KCN hoạt động.

Từ năm 1998 đến nay, Malaysia cho phép thực hiện theo hình thức liên doanh và 100% vốn nước ngoài với hầu hết các dự án sản xuất chế tạo mà không phụ thuộc vào tỷ lệ xuất khẩu. Ngoại trừ một số lĩnh vực mà doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước có khả năng và có kỹ thuật để tự sản xuất.

Cùng với đa dạng hóa lĩnh vực đầu tư, Malaysia chủ trương lựa chọn đối tác đầu tư phù hợp với yêu cầu trong từng giai đoạn của quá trình công nghiệp hóa. Kể từ khi, chuyển sang thực hiện chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu, Malaysia thực hiện đa dạng hóa đối tác đầu tư nước ngoài, nhưng đặc biệt quan tâm thu hút FDI từ các đối tác lớn như Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu để tiếp cận được với nguồn vốn lớn, công nghệ tiên tiến phát triển các ngành công nghiệp chế tạo. Riêng đối với ngành nông nghiệp, Malaysia rất chú trọng đến thu hút các đối tác trong ASEAN đầu tư vào ngành này.

### 1.2.5. Chính sách thuế và ưu đãi tài chính

Đây là biện pháp được Trung Quốc coi là cơ bản để khuyến khích đầu tư nước ngoài. Năm 1993, các điều khoản về thuế thu nhập doanh nghiệp được ban hành. Trong đó, Trung Quốc quy định cụ thể 3 mức thuế suất khác nhau. Mức thuế thu nhập doanh nghiệp thấp (15%) cho các dự án đầu tư vào đặc khu kinh tế, các khu công nghệ cao, các ngành thuộc danh mục khuyến khích đầu tư. Mức thuế suất 24% cho các dự án đầu tư vào vùng kinh tế mở dọc bờ biển và các Thành phố của các địa phương. Thuế suất 33% cho các dự án còn lại.

Nhằm khuyến khích đầu tư nước ngoài, Trung Quốc thực hiện phương châm “2 miễn, 3 giảm” đối với các dự án bình thường (tức 2 năm miễn và 3 năm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp). Các dự án đầu tư vào miền Tây, miền Trung và các ngành công nghệ cao thực hiện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 5 năm và giảm 50% từ 3 đến 6 năm tiếp theo.

Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp được tiếp tục giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 10 năm sau thời hạn miễn giảm thuế.

Doanh nghiệp tham gia xây dựng cảng với thời hạn 15 năm trở lên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 5 năm đầu và giảm 50% từ năm thứ 6.

Đối với các vật tư nhập khẩu phục vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu, Trung Quốc cho phép giảm từ 5% đến 25% thuế nhập khẩu. Riêng các dự án đầu tư vào ngành xây dựng, giao thông, thông tin liên lạc được miễn thuế nhập khẩu thiết bị trong 5 năm và giảm 50% cho 5 năm tiếp theo.

Về thuế nhập khẩu, từ năm 1991, Trung Quốc đã giảm thuế nhập khẩu 8 lần, còn 16,5%. Tháng 1 năm 1998, Trung Quốc bãi bỏ thuế nhập khẩu và thuế VAT đối với việc cung ứng thiết bị máy móc cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Năm 2005, thuế nhập khẩu còn 10% và tiếp tục giảm thuế này theo lộ trình đã cam kết khi gia nhập WTO.

Năm 2002, Trung Quốc tiếp tục ban hành một số văn bản mới về hướng dẫn đầu tư nước ngoài. Trong đó, các khoản mục được khuyến khích đầu tư ngày càng được mở rộng. Những doanh nghiệp đầu tư vào những lĩnh vực được khuyến khích được hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%.

Ở Malaysia, các biện pháp khuyến khích chung, cũng như biện pháp



khuyến khích hướng về xuất khẩu được chính phủ đặc biệt quan tâm. Cụ thể là trong vòng 5 năm, nếu các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tiên phong đầu tư, thì chỉ phải nộp 30% mức thuế thu nhập mà doanh nghiệp đó phải nộp theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp đầu tư vào những ngành công nghệ cao thì được miễn hoàn toàn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 5 năm.

Ưu đãi về mức thuế thu nhập căn cứ dựa vào mức vốn đầu tư của doanh nghiệp:

- Miễn thuế 3 năm đối với doanh nghiệp đầu tư từ 100.000 RM - 250.000 RM.

- Miễn thuế 5 năm đối với doanh nghiệp có mức vốn từ 250.000 RM và được miễn tiếp 1 đến 2 năm nếu doanh nghiệp tiếp tục đầu tư nếu có vốn đầu tư 250.000RM - 500.000 RM hoặc từ 500.000 RM - 1.000.000 RM.

Để hấp dẫn đầu tư nước ngoài, Malaysia thực hiện chính sách giá thuê đất thấp đối với các nhà đầu tư nước ngoài (trung bình là 300 -1000 USD/ha/năm, cao nhất là 15.000 USD/ha/năm). Nếu dự án đầu tư vào các ngành ưu tiên phát triển, nhanh đi vào hoạt động giá thuê đất còn được giảm theo quy định. Thời hạn cho thuê đất thông thường là 60 năm, trường hợp đặc biệt lên tới 99 năm. ngoài ra, Chính phủ Malaysia còn cho phép người nước ngoài mua đất tại những vùng sâu, xa, kém phát triển cơ sở hạ tầng với giá thấp nhất là 1,08 USD/m<sup>2</sup>, trung bình là 20 - 30 USD/m<sup>2</sup>, và cao nhất là 94 USD/m<sup>2</sup>. Những khu trung tâm và những vùng Chính phủ đã đầu tư lớn về cơ sở hạ tầng thì không được mua mà chỉ được thuê.

Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu 50% tổng giá trị sản xuất và tỷ lệ nội địa hóa trong sản phẩm chiếm trên 50% được miễn giảm thuế lợi tức trong 5 năm kể từ khi có lãi.

#### *1.2.6. Chính sách phát triển nguồn nhân lực*

Ở Trung Quốc, tháng 11 năm 1979, Tổng công ty cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp nước ngoài được thành lập nhằm cung cấp lao động cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Sang đầu thập kỷ 1980, việc phân bổ lao động cho các doanh nghiệp FDI bộc lộ nhiều bất cập. Do đó, Trung Quốc thực hiện xóa bỏ dần cơ chế phân bổ lao động này và thay vào đó là thúc đẩy thị trường lao động phát triển. Một

trong những động thái tích cực của Trung Quốc là đưa chính sách đào tạo lên hàng quốc sách, mở rộng hệ thống giáo dục đào tạo, tạo điều kiện và cơ hội cho lao động được ra nước ngoài học tập, đồng thời chú trọng việc đào tạo tại các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài để có đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân lành nghề sẵn sàng tiếp nhận FDI.

Các doanh nghiệp FDI phải tuân thủ Bộ luật lao động của Trung Quốc và có quyền tuyển dụng lao động trực tiếp, có thể tự quyết định thời gian, quy mô, điều kiện và phương thức tuyển dụng lao động. Song nhất thiết phải ký hợp đồng lao động với công nhân. Điều đó nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp FDI có quyền tự chủ hơn trong kinh doanh. Tuy nhiên, khi tuyển lao động nước ngoài vào làm việc, doanh nghiệp FDI phải nộp đơn xin phép cơ quan quản lý lao động và an ninh xã hội của địa phương.

Còn ở Malaysia, tính đến năm 1998, Malaysia đã có 10 viện đào tạo công nghệ, 49 trường dạy nghề, 29 trường kỹ thuật, 7 trường bách khoa. Trong đó chi cho giáo dục đại học là 2,6 tỷ RM, chi cho đào tạo lao động phục vụ yêu cầu của các ngành công nghiệp là 580 triệu RM và tăng khoảng 50% trong kế hoạch 5 năm tiếp theo. Nhằm tăng cường đào tạo đội ngũ lao động có trình độ, đủ khả năng tiếp nhận và làm chủ được khoa học kỹ thuật công nghệ mới, 159 viện tư nhân đào tạo về công nghệ được thành lập vào năm 1996. Để nâng cao năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ, Malaysia đặt ra mục tiêu đến năm 2010 có ít nhất 60 nhà khoa học và kỹ sư trên 10.000 dân.

Tiếp tục khuyến khích đầu tư phát triển đào tạo nghề, Malaysia có chính sách miễn thuế đầu tư đối với các dự án thành lập các trường đào tạo kỹ thuật trong thời hạn 10 năm; giảm 10% thuế xây dựng các cơ sở đào tạo trong giai đoạn đầu và sau đó giảm bình quân 2% cho các năm tiếp theo; miễn thuế nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ giáo dục, đào tạo. Malaysia thành lập quỹ phát triển nguồn nhân lực với mục đích hỗ trợ đào tạo người lao động. Quỹ này do các doanh nghiệp có từ 50 công nhân trở lên đóng góp với tỷ lệ 1% trên tổng số tiền công trả cho nhân viên.

Từ 1997 đến nay, Malaysia khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào chương trình “người cung cấp toàn cầu” để mở rộng sự liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI và mở ra mạng lưới thương mại quốc tế. Theo chương trình này, Malaysia trợ cấp 50% chi phí đào

tạo kỹ năng lãnh đạo, tay nghề và công nghệ sản xuất cho các công ty địa phương, nhằm tạo ra đội ngũ lao động có khả năng thích ứng nhanh những yêu cầu của các công ty đầu tư nước ngoài đặt ra.

### 1.2.7. Chính sách quản lý nhà nước về hoạt động FDI

Trung Quốc thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý đối với hoạt động FDI. Việc thẩm định, phê duyệt dự án và cấp giấy phép đầu tư được phân theo từng cấp từ trung ương đến địa phương. Trong đó, Nhà nước cho phép mỗi tỉnh, thành phố, khu tự trị có những đặc quyền trong quản lý, phê chuẩn dự án đầu tư...

Trước khi gia nhập WTO, Các dự án không quá 30 triệu USD đầu tư vào những khu vực khuyến khích, các tỉnh, thành phố, khu tự trị được quyền phê duyệt. Các dự án trên 30 triệu USD hay các dự án bị hạn chế thì phải được ủy ban kế hoạch phát triển hoặc ủy ban kinh tế và thương mại Nhà nước xem xét phê duyệt.

Sau gia nhập WTO, Chính phủ phép chính quyền địa phương được tự thông qua các dự án đầu tư nước ngoài có số vốn không vượt quá 100 triệu USD. Đến ngày 13/4/2010, Ủy ban nhà nước Trung Quốc tuyên bố cho phép chính quyền địa phương trong nước được tự thông qua các dự án đầu tư nước ngoài có số vốn không vượt quá 300 triệu USD.

Để đơn giản hóa thủ tục thành lập doanh nghiệp FDI, nhiều tỉnh, thành phố, khu tự trị đã thành lập các trung tâm dịch vụ đầu tư nước ngoài một cửa (từ tư vấn pháp lý đến phê duyệt dự án). Các thủ tục liên quan đến triển khai dự án đầu tư được giải quyết rất nhanh chóng.

Ở Malaysia, kể từ sau năm 1997, hoạt động FDI được thực hiện theo cơ chế “một cửa”. Tất cả mọi thủ tục từ xét duyệt dự án, cấp giấy phép đến giải quyết tranh chấp cho các doanh nghiệp FDI đều do một đơn vị duy nhất đó là Cục phát triển công nghiệp Malaysia (MIDA) đảm nhận. MIDA là nơi có nhiều chuyên gia được cử đến từ các Bộ, ngành như Bộ Tài chính, Bộ Phát triển nguồn nhân lực, Cục Di trú, Cục Hải quan, Cục Thuế, Cục Môi trường... để phối hợp giải quyết công việc, nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Để thuận tiện trong công việc và có điều kiện hỗ trợ các nhà đầu tư nước ngoài, MIDA thành lập chi nhánh ở tất cả 13 bang của Malaysia và đặt 16 văn phòng ở nước ngoài.

Năm 2000, Malaysia thực hiện cải cách hệ thống quản lý thuế bằng việc đưa ra “hệ thống tự đánh giá” thay cho “hệ thống đánh giá chính thức” áp dụng trước đó để phù hợp với yêu cầu của trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Năm 2003, Malaysia tiến hành cải cách hệ thống dịch vụ công cộng như thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính trong cấp phép hoạt động, cấp đất cho các dự án; cấp chứng nhận thương hiệu... nhằm tăng tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý, điều hành của các cơ quan quản lý Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư tại Malaysia.

#### *1.2.8. Chính sách quản lý ngoại hối*

Năm 1994, Trung Quốc ban hành điều luật về kiểm soát ngoại tệ. Luật này được sửa đổi năm 1997. Theo đó, các doanh nghiệp FDI phải thực hiện việc cân đối ngoại tệ (phải xuất khẩu tới một tỷ lệ nhất định để có ngoại tệ phục vụ nhập khẩu).

Đến năm 2000 và 2001, Trung Quốc sửa đổi các luật về doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, chính thức loại bỏ yêu cầu về cân đối ngoại tệ đối với các doanh nghiệp FDI, cho phép được mua ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại đáp ứng các giao dịch theo quy định về quản lý ngoại hối.

Doanh nghiệp FDI được vay vốn nước ngoài, phát hành trái phiếu ngoại tệ... để chủ động ngoại tệ trong kinh doanh, nhưng phải đăng ký. Doanh nghiệp FDI có thể sử dụng ngoại tệ để tái đầu tư, chuyển lợi nhuận và các khoản chi khác bằng ngoại tệ về nước, khi được cơ quan quản lý ngoại hối đồng ý.

Để kiểm soát tiền tệ sau khủng hoảng, từ ngày 1 tháng 9 năm 1998, Malaysia thực hiện chính sách tỷ giá cố định ( $1 \text{ USD} = 3,8 \text{ RM}$ ), đồng thời thắt chặt tiền tệ, nâng lãi suất đồng nội tệ để hạn chế dòng tiền chảy ra, ngăn ngừa đầu tư quá mức. Sau đó, khi kinh tế dần được phục hồi, Malaysia thực hiện chính sách tỷ giá thả nổi có quản lý và giảm lãi suất (từ 6,35% năm 1998 xuống 3,18% năm 1999) nhằm kích thích các hoạt động kinh tế, khuyến khích FDI và đẩy mạnh xuất khẩu. Cho đến năm 2007, tỷ giá đồng tiền Malaysia so với USD vẫn ổn định quanh mức  $1 \text{ USD} = 3,8 \text{ RM}$ . Đến nay do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, USD có xu hướng mất giá so với một số đồng tiền khác.